

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 85 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 5 năm 2013

BÁO CÁO

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q.1	
Về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần	
CV ĐẾN	Số: 3331 Ngày: 24/5/2013 Chuyển:

Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2012

Thực hiện Công văn số 932/BNV-CCHC ngày 20/3/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi Bộ Nội vụ Báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh với các nội dung chính sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2012 (gửi kèm theo).
- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp kết quả.

Kính báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ;
- Sở Nội vụ;
- VPUB:CVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NCnvhuy223.



Cao Khoa

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ
TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2012
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 85 /BC-UBND ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	9	7,6	
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2,5		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5		
	<i>Ban hành kịp thời (ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn và chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25</i>			
	<i>Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0</i>		0	KH Ban hành ngày 10/4/2012 (QĐ 542/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh)
1.1.2	Xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5		
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ theo 06 lĩnh vực CCHC trong NQ 30c/NQ-CP của Chính phủ và có bố trí kinh phí triển khai: 0,5</i>		0,5	QĐ 542/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh
	<i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ trên 6 lĩnh vực quy định hoặc không bố trí kinh phí triển khai: 0</i>			
1.1.3	Các kết quả phải đạt được xác định rõ ràng, cụ thể, và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	0,5		

	Đạt yêu cầu (sản phẩm đầu ra được xác định rõ, cụ thể về số lượng, gắn với trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức và có quy định rõ thời gian hoàn thành): 0,5	0,5	QĐ 542/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh.
	Không đạt yêu cầu (không đạt được một trong số các yêu cầu trên): 0		
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch (đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, xem xét số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số): 1		
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75		
	Thực hiện từ 50% – dưới 70% kế hoạch: 0,5	0,5	BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 báo cáo CCHC năm.
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0		
1.2	Báo cáo CCHC	1,5	
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5	
	Đủ số lượng báo cáo: 0,5	0,5	BC số 10/BC-SNV ngày 15/3/2012 báo cáo CCHC quý I BC số 25/BC-SNV ngày 15/6/2012 báo cáo CCHC 6 tháng. BC số 51/BC-SNV ngày 14/9/2012 báo cáo CCHC quý III. BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 báo cáo CCHC năm.
	Không đủ số lượng báo cáo: 0		
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5	
	Đạt yêu cầu: 0,5	0,5	
	Không đạt yêu cầu: 0		
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5	
	Đúng thời gian quy định: 0,5	0,5	
	Không đúng thời gian quy định: 0		
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	

1.3.1	Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (có kế hoạch kiểm tra riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm của tỉnh).	0,5		
	Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị (Tính tỷ lệ % số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện trong kế hoạch kiểm tra so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện): 0,5			
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25	0,25	QĐ số 1880/QĐ-SNV ngày 15/12/2011 của SNV ban hành Kế hoạch thanh tra công tác nội vụ năm 2012	
	Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0			
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra (Xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với số đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %). Nếu:	0,5		
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 0,5	0,5	Thực hiện đạt 100% KH kiểm tra: - KL thanh tra số 70/KLTT-SNV ngày 31/7/2012 của SNV - KL thanh tra số 121/KLTT-SNV ngày 19/9/2012 của SNV - KL thanh tra số 124/KLTT-SNV ngày 04/10/2012 của SNV	
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,35			
	Thực hiện từ 50% – dưới 70% kế hoạch: 0,25			
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0			
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý). Nếu:	1		
	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý): 1	1	- KL thanh tra số 70/KLTT-SNV ngày 31/7/2012 của SNV - KL thanh tra số 121/KLTT-SNV ngày 19/9/2012 của SNV - KL thanh tra số 124/KLTT-SNV ngày 04/10/2012 của SNV	

	Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 70% - 80%): 0,75		
	Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 50% - dưới 70%): 0,5		
	Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng)	0,5	
	Có kế hoạch: 0,5		QĐ số 1731/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 của UBND tỉnh ban hành KH tuyên truyền CCHC giai đoạn 2012-2015
	Không có kế hoạch: 0		
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 0,5		
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,35	0,35	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch gồm: - Cập nhật, công khai bộ TTHC, VB QPPL tại cơ quan, tổ chức. - Xây dựng chuyên trang “CCHC” trên Báo Quảng Ngãi. - Xây dựng chuyên mục “CCHC” trên Đài PTTH tỉnh. - Thực hiện chương trình trực tiếp “Gặp gỡ - đón thoại” trên Đài PTTH tỉnh. - Tuyên truyền, phổ biến TTHC, quy tắc ứng xử văn hóa giao tiếp, tác phong, thái độ phục vụ nhân dân của CB, CC, VC.
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25		
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0		
1.5	Sự nồng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2	
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1	

	Có thực hiện (có gắn kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân của tỉnh thể hiện trong văn bản hướng dẫn bình xét thi đua, khen thưởng của tỉnh): 1	1	Hướng dẫn số 39/BTDKT ngày 07/6/2012 của Ban Thi đua Khen thưởng về nội dung đăng ký giao ước thi đua hàng năm cho Khối, Cụm thi đua của tỉnh.
	Không thực hiện: 0		
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1	
	Có sáng kiến (là những giải pháp, cách làm mới có hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ CCHC): 1	1	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 458/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp Đại học về công tác ở cấp xã, phường, thị trấn. - QĐ số 460/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút cán bộ, công chức, viên chức và người có trình độ cao đến công tác tại tỉnh Quảng Ngãi. - QĐ số 481/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được cử đi đào tạo trong và ngoài nước. - QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và thu hút nhân lực có trình độ cao giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi.
	Không có sáng kiến: 0		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	7	7,00
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh	1,5	
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của tỉnh đã được phê duyệt	1	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1	1	<p>Năm 2012 ban hành 53/66 VBQPPL, đạt 80,3%:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 168/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Chương trình XD VBQPPL năm 2012.

			- BC số 13/BC-UBND ngày 24/1/2013 của UBND tỉnh về tinh hình soạn thảo, ban hành VB QPPL trên địa bàn tỉnh từ 1/10/2011-31/12/2012
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75		
	Thực hiện từ 50% – dưới 70% kế hoạch: 0,5		
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL. Đúng quy định (đối chiếu với việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh với các quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND và hướng dẫn của Chính phủ): 0,5	0,5	BC số 13/BC-UBND ngày 24/1/2013 của UBND tỉnh về tinh hình soạn thảo, ban hành VB QPPL trên địa bàn tỉnh từ 1/10/2011-31/12/2012
	Không đúng quy định: 0		
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2	
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL Ban hành kịp thời (nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5	0,5	- QB số 1667/QĐ-UBND ngày 14/11/2011 của UBND tỉnh về việc kiểm tra văn bản tại HĐND&UBND các huyện năm 2012; - Kế hoạch số 06/KH-STP ngày 20/4/2012 của Sở Tư pháp rà soát hệ thống hóa văn bản thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường; - BC số 278/BC-STP ngày 11/12/2012 của Sở Tư pháp về kết quả thực hiện nhiệm vụ tư pháp và cải cách tư pháp năm 2012.
	Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn và chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25		
	Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0		
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5	

	<i>Hoàn thành kế hoạch: 0,5</i>	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - BC số 20/BC-UBND ngày 30/1/2013 của UBND tỉnh về tình hình công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa VB QPPL trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/10/2011-31/12/2012 - BC số 278/BC-STP ngày 11/12/2012 của Sở Tư pháp về kết quả thực hiện nhiệm vụ tư pháp và cải cách tư pháp năm 2012.
	<i>Không hoàn thành kế hoạch: 0</i>		
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát (Thông qua rà soát phát hiện những văn bản QPPL còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ ... từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý). Nếu:	1	
	<i>Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 1</i>	1	BC số 20/BC-UBND ngày 30/1/2013 của UBND tỉnh về tình hình công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa VB QPPL trên địa bàn tỉnh từ ngày 1/10/2011-31/12/2012
	<i>Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 0</i>		
2.3	Tổ chức và kiểm tra thực hiện VBQPPL tại tỉnh	3,5	
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL do Trung ương ban hành (thống kê đầy đủ số VBQPPL do Trung ương ban hành trên các lĩnh vực quản lý nhà nước mà tỉnh phải triển khai thực hiện. Đánh giá tỷ lệ % số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định so với tổng số văn bản QPPL). Nếu:	1	
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định (thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định trong văn bản, thời điểm triển khai đúng theo quy định hiệu lực của văn bản, thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm của tỉnh): 1</i>	1	Qua kiểm tra thực tế

	Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0,75		
	Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0,5		
	Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0		
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại tỉnh	0,5	
	<i>Ban hành kịp thời (thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5</i>	0,5	QĐ số 1667/QĐ-UBND ngày 14/11/2011 của UBND tỉnh về việc kiểm tra văn bản tại HĐND&UBND các huyện năm 2012;
	<i>Ban hành không kịp thời (ban hành trước ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25</i>		
	<i>Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0</i>		
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>	1	
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>		
	<i>Thực hiện từ 50% – dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>		
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>		
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (Qua kiểm tra thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý). Nếu:	1	
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý): 1</i>	1	QĐ số 33,34,35,36,37/QĐ-UBND ngày 16/01/2013 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục kết quả rà soát các văn bản của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý ngành, lĩnh vực được rà soát.
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 70% - 80%): 0,75</i>		

	Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 50%- dưới 70%): 0,5		
	Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3	CAI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10	9,75
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	6	
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh theo quy định của Chính phủ Ban hành kịp thời (nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5	0,5	
	Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn và chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25	0,25	QĐ số 306/QĐ-UBND ngày 06/3/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2012.
	Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0		
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1	1	
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75		
	Thực hiện từ 50% – dưới 70% kế hoạch: 0,5		
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0		
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	2	
	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1	1	Ban hành QĐ sửa đổi, bổ sung, thay thế 12 bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành như sau: - QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 26/4/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 70/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 73/QĐ-UBND ngày 14/5/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 80/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 111/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh.

			<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 113/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 118/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 119/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 170/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của UBND tỉnh. - QĐ 217/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh.
		1	BC số 46/BC-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh báo cáo sơ kết công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.
	Không thực hiện: 0		
3.1.4	Cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1	
	Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1	1	BC số 106/BC-UBND ngày 04/7/2012, số 234/BC-UBND ngày 17/9/2012, số 332/BC-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện QĐ số 945/QĐ-TTg ngày 20/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Quảng Ngãi.
	Cập nhật, công bố không đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 0		
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0,5	
	Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 0,5	0,5	QĐ số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
	Không thực hiện đầy đủ các quy định của Chính phủ: 0		
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (Thông kê số lượng các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh để xử lý hoặc kiến nghị xử lý).	1	

	Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (trên 80%): 1	1	BC số 332/BC-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh (Trong năm 2012 cơ quan có thẩm quyền của tỉnh không nhận được phản ánh, kiến nghị nào của cá nhân, tổ chức đối với TTHC cũng như phản ánh về hành vi của CBCC trong quá trình giải quyết TTHC).
	Hầu hết phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 70%- 80%): 0,75		
	Một số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (đạt từ 50%- dưới 70%): 0,5		
	Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3.2	Công khai thủ tục hành chính	4	
3.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2	
	Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện: 2	2	CV số 2087/UBND-NC ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh; BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 (Phụ lục 2)
	Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện: 1,5		
	Từ 50% – dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện: 1		
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện: 0		
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh (Xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã). Nếu:	2	
	Trên 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định công khai đầy đủ, đúng quy định: 2	2	CV số 2087/UBND-NC ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh; BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 (Phụ lục 2)
	Từ 70% - 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định công khai đầy đủ, đúng quy định: 1,5		

	Từ 50% - dưới 70% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định công khai đầy đủ, đúng quy định: 1			
	Dưới 50% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 0			
4	CAI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	6,5	6,3	
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy	1		
	Thực hiện đầy đủ theo quy định (Nếu tất cả các cơ quan của tỉnh, bao gồm UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành có liên quan): 1	1	Tất cả các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đều được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành có liên quan.	
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0			
4.3	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	2,5		
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (Hàng năm Sở Nội vụ phải xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình và tổ chức hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện). Nếu: Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5	0,5		
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25	0,25	QĐ số 1880/QĐ-SNV ngày 15/12/2011 của SNV ban hành Kế hoạch thanh tra công tác nội vụ năm 2012.	
	Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0			
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1		

	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>		1	Thực hiện 100% KH, có các KL thanh tra kèm theo gồm: - KL số 18/KLTT-SNV ngày 05/6/2012 của SNV. - KL số 60/KLTT-SNV ngày 16/7/2012 của SNV. - KL số 70/KLTT-SNV ngày 31/7/2012 của SNV. - KL số 118/KLTT-SNV ngày 07/9/2012 của SNV. - KL số 121/KLTT-SNV ngày 19/9/2012 của SNV. - KL số 124/KLTT-SNV ngày 04/10/2012 của SNV.
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>			
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (Qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề không đúng quy định về tổ chức bộ máy cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý). Nếu:	1		
	<i>Tất cả (trên 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (có các kết luận thanh tra kèm theo)	
	<i>Hầu hết (từ 70%- 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>			
	<i>Một số lý (từ 50% - dưới 70%) vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	3		BC số 01/BC-SNV ngày 02/01/2013 của Sở Nội vụ đánh giá kết quả thực hiện những nội dung chủ yếu UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền trong thời gian qua.
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành (Thông kê các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành để đánh giá việc thực hiện). Nếu:	1		

	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng các quy định: 1</i>		1	BC số 01/BC-SNV ngày 02/01/2013 của Sở Nội vụ đánh giá kết quả thực hiện những nội dung chủ yếu UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền trong thời gian qua.
	<i>Không thực hiện đầy đủ, đúng các quy định: 0</i>			
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>		1	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý CBCC, phân cấp tuyên dụng giáo viên, tuyên dụng CC cấp xã (có QĐ số 1880/QĐ-SNV ngày 15/12/2011 của SNV ban hành Kế hoạch thanh tra công tác nội vụ năm 2012 và các KL thanh tra kèm theo).
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
4.4.3	Xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra (Qua kiểm tra, thống kê số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý). Nếu:	1		
	<i>Tất cả (trên 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		1	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (BC số 01/BC-SNV ngày 02/01/2013 của SNV đánh giá kết quả thực hiện những nội dung chủ yếu UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền; các KL thanh tra kèm theo)
	<i>Hầu hết (từ 70% - 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>			
	<i>Một số (từ 50% - dưới 70%) vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	10,5	5,7	
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2		

5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính (thống kê tổng số Sở và tương đương ở tỉnh, phòng và tương đương ở huyện) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt và tính tỷ lệ %	0,5		
	Trên 60% số cơ quan (có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt): 0,5			
	Từ 30% - 60% số cơ quan: 0,35			
	Từ 20% - dưới 30 % số cơ quan: 0,25			
	Dưới 20% số cơ quan: 0	0		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; tổng số đơn vị sự nghiệp công lập có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt và tính tỷ lệ %). Nếu:	0,5		
	Trên 60% số đơn vị (có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt): 0,5	0,5	Chuẩn bị trình Bộ Nội vụ trong tháng 6/2013	
	Từ 30% - 60% số đơn vị: 0,35			
	Từ 20% - dưới 30 % số đơn vị: 0,25			
	Dưới 20% số đơn vị: 0			
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		
	Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1			
	Từ 70%- 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,75			

	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt:: 0,5		
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt:: 0	0	
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	2	
5.2.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức	0,5	
	Trên 80% số cơ quan (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện tuyển dụng đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ): 0,5		
	Từ 70%- 80% số cơ quan: 0,35	0,35	QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh ban hành KH tuyển dụng CC năm 2012
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25		
	Dưới 50% số cơ quan: 0		
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức	0,5	
	Trên 80% số đơn vị (đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng đúng quy định của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ): 0,5		
	Từ 70%- 80% số đơn vị: 0,35	0,35	QĐ số 1355/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh ban hành KH tuyển dụng VCSN năm 2011
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25		
	Dưới 50% số đơn vị: 0		
5.2.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	0,5	

	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,35</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
5.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	0,5		
	<i>Trên 80% số đơn vị: 0,5</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>			
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức	1,5		
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của tỉnh	0,5		
	<i>Ban hành kế hoạch kịp thời (ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25</i>			
	<i>Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0</i>	0	Ban hành sau ngày 31/3 (QĐ số 536/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi năm 2012).	
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của	1		
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>	1	Thực hiện trên 80% kế hoạch (BC số 17/BC-SNV ngày 06/3/2013 về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC của tỉnh Quảng Ngãi năm 2012).	
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>			

5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức	2		
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao Có thực hiện: 0,5 Không thực hiện: 0	0,5		
5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh Có thực hiện: 0,5 Không thực hiện: 0	0,5		
5.4.3	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp sở và tương đương trở xuống Có thực hiện: 0,5 Không thực hiện: 0	0,5		
5.4.4	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính Có chính sách: 0,5 Không có chính sách: 0	0,5	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ và thu hút nhân lực có trình độ cao giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi.	
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	3		
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã (Thông kê toàn bộ số cán bộ, công chức cấp xã trên phạm vi toàn tỉnh, số công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định và tính tỷ lệ % số công chức đạt chuẩn). Nếu: Trên 80% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1 Từ 70% - 80% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,75 Từ 50% - dưới 70% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5 Dưới 50% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0	1		
		1	BC số 27/SNV-XDCQ ngày 08/01/2013 của SNV về việc báo cáo thông kê số lượng chất lượng CB, CC xã, phường, thị trấn; thôn, tổ dân phố.	

5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã (thông kê tổng số cán bộ cấp xã trên phạm vi toàn tỉnh, cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định của Chính phủ và tính tỷ lệ % số cán bộ cấp xã đạt chuẩn). Nếu: Trên 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1 Từ 70% - 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,75 Từ 50% - dưới 70% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5 Dưới 50% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0	1		
5.6.3	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm Trên 70% số cán bộ, công chức: 1 Từ 50% - 70% số cán bộ, công chức: 0,5 Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0	1		
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	3	3	
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính	1		
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai thực hiện 100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện: 1 Dưới 100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện: 0	1		
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1		

6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện triển khai thực hiện cơ chế	1		
	Trên 80% số đơn vị: 1	1	BC số 2534/STC-HCSN ngày 18/10/2012 của Sở Tài chính về tình hình thực hiện NĐ 130, NĐ 43	
	Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75			
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 50% số đơn vị: 0			
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	1		
6.3.1	Tỷ lệ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh, huyện thực hiện đề án chuyển đổi cơ chế hoạt động đã được phê duyệt	1		
	Trên 80% số tổ chức: 1	1	BC số 2534/STC-HCSN ngày 18/10/2012 của Sở Tài chính về tình hình thực hiện NĐ 130, NĐ 43	
	Từ 70% - 80% số tổ chức: 0,75			
	Từ 50% - dưới 70% số tổ chức: 0,5			
	Dưới 50% số tổ chức: 0			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	8,5	4,25	
7.1	Ứng dụng CNTT của tỉnh	5,5		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh (trong quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5		
	Ban hành kế hoạch kịp thời (ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5	0,5	QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT giai đoạn 2011-2015.	
	Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0,25			
	Không ban hành (hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch): 0			
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	1		

	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>		1	BC số liệu về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT năm 2012 của tỉnh (kèm theo CV số 416/STTTT ngày 27/7/2012 của Sở TT&TT).
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>			
7.1.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai áp dụng phần mềm quản lý văn bản	0,5		
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,5</i>	0,5	BC số liệu về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT năm 2012 của tỉnh (kèm theo CV số 416/STTTT ngày 27/7/2012 của Sở TT&TT).	
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,35</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0</i>			
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	0,5		
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,5</i>	0,5	BC số liệu về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT năm 2012 của tỉnh (kèm theo CV số 416/STTTT ngày 27/7/2012 của Sở TT&TT).	
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,35</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>			
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến (thông kê tổng số dịch vụ công được thực hiện ở 3 cấp: tỉnh, huyện, xã và số dịch vụ công được cung cấp trực tuyến theo từng mức độ). Nếu:	2,5		

<p>Tất cả các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: 0,5</p> <p>(- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1: Trên Công thông tin điện tử hoặc Trang TTĐT của cơ quan hành chính có cung cấp đầy đủ các thông tin về TTHC và các văn bản có liên quan quy định về TTHC đó.</p> <p>- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp mang đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ)</p>		0,50 BC số liệu về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT năm 2012 của tỉnh (kèm theo CV số 416/STTTT ngày 27/7/2012 của Sở TT&TT).
<p>Có từ 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: 1</p> <p>(Cung cấp dịch vụ trực tuyến ở mức độ 3: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điện và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ).</p>		
<p>Có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 1</p> <p>(Cung cấp dịch vụ trực tuyến ở mức độ 4: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng).</p>		

7.1.7	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Công thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử	0,5		
	Trên 80% số cơ quan: 0,5	0,5	BC số liệu về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT năm 2012 của tỉnh (kèm theo CV số 416/STTTT ngày 27/7/2012 của Sở TT&TT).	
	Từ 70% - 80% số cơ quan: 0,35			
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25			
	Dưới 50% số cơ quan: 0			
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính	3		
7.3.1	Tỷ lệ CQ chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO	1		
	Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1			
	Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75			
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0	0		
7.2.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã được cấp chứng chỉ ISO	1		
	Trên 70% số đơn vị: 1			
	Từ 50% - 70% số cơ quan, đơn vị: 0,75			
	Từ 30% - dưới 50% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 30% số đơn vị: 0	0		
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1		
	Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1			
	Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75	0,75	QĐ 435/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của UBND tỉnh; QĐ528/QĐ-TĐC, QĐ 628/QĐ-TĐC, QĐ 2644/QĐ-TĐC, QĐ 743/QĐ-TĐC, QĐ 2031/QĐ-TĐC, QĐ 619/QĐ-TĐC của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5			

	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	7,5	6,25	
8.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1,5		
8.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới tổ chức, cá nhân triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5		
	Trên 80% số cơ quan: 0,5		0,5	Có 19/22 (đạt 86,4%) cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới tổ chức, cá nhân triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
	Từ 70% - 80% số cơ quan: 0,35			
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0,25			
	Dưới 50% số cơ quan: 0			
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông (trừ các huyện được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	0,5		
	Trên 80% số đơn vị: 0,5		0,5	Có 14/14 (đạt 100%) huyện, thành phố triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
	Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,35			
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 50% số đơn vị: 0			
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	0,5		

	Trên 80% số đơn vị: 0,5		0,5	Có 128/141 (đạt 90,7%) xã, phường, thị trấn triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông (trừ 43 xã miền núi ĐBKK có khối lượng giao dịch với tổ chức, cá nhân ít nên chưa áp dụng cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông, tránh hình thức).
	Từ 70%- 80% số đơn vị: 0,35			
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 50% số đơn vị: 0			
8.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4		
8.2.1	Số lượng TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	2		
	Trên 80% số lượng TTHC: 2	2	BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2012 và một số nhiệm vụ CCHC năm 2013 của tỉnh Quảng Ngãi.	
	Từ 70% - 80% số lượng TTHC: 1,5			
	Từ 50% - dưới 70% số lượng TTHC: 1			
	Dưới 50% số lượng TTHC: 0			
8.2.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	2		
	Từ 15 TTHC trở lên: 2	2	BC số 328/BC-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2012 và một số nhiệm vụ CCHC năm 2013 của tỉnh Quảng Ngãi.	
	Từ 10 – 14 TTHC: 1,5			
	Từ 5 – 9 TTHC: 1			
	Dưới 5 TTHC: 0			
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2		
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	1		

	Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1			
	Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75	0,75	Qua kiểm tra thực tế	
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0			
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại	1		
	Trên 50% số đơn vị trở lên: 1			
	Từ 30 - 50% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 30% số đơn vị: 0	0		
	Kết quả đạt được	62	49,80	



Cao Khoa